

Số: 10485 /2026/CV-DNA
V/v: Công bố thông tin về tình hình
tài chính

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200253985
Ngày cấp: cấp lần đầu ngày 14/01/2005 và các lần thay đổi
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
SĐT: 024 3944 8688 Fax: 024 3944 8689 Email: gtcg@seabank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng thương mại cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Thanh toán trong nước và quốc tế; Huy động, Cho vay ngắn, trung và dài hạn; ...
- Mã số thuế: 0200253985

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)
- Nguồn báo cáo: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) trong kỳ báo cáo:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2025	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2026
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	39.487.970.000.000	42.195.287.000.000
- Vốn điều lệ	28.450.000.000.000	34.288.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	3.167.000.000	3.167.000.000
- Quỹ của TCTD	2.666.271.000.000	3.701.252.000.000



[Handwritten signature]

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2025	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2026
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(845.000.000)	(1.632.000.000)
- Lợi nhuận chưa phân phối	8.369.377.000.000	4.204.500.000.000
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	339.672.172.000.000	385.025.403.000.000
- Tiền gửi và vay các TCTD khác	127.173.329.000.000	123.835.809.000.000
+ Khoản vay bằng ngoại tệ	20.264.733.000.000	13.743.255.000.000
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	750.000.000.000	4.626.886.000.000
+ <i>Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước</i>	750.000.000.000	750.000.000.000
+ <i>Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước</i>	-	-
+ <i>Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế</i>	-	3.876.886.000.000
- Nợ phải trả khác	211.602.443.000.000	256.562.711.000.000
+ <i>Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN</i>	6.597.412.000.000	14.761.723.000.000
+ <i>Tiền gửi của khách hàng</i>	166.648.051.000.000	199.777.344.000.000
+ <i>Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác</i>	702.967.000.000	164.490.000.000
+ <i>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</i>	-	-
+ <i>Phát hành giấy tờ có giá khác</i>	31.594.900.000.000	35.400.000.000.000

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2025	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2026
+ Các khoản nợ khác	6.059.113.000.000	6.459.151.000.000
3. Cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,90	0,90
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	8,6	9,12
4. Khả năng thanh toán (lần)		
- Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ trong 30 ngày	140,76%	80,94%
- Tỷ lệ khả năng chi trả USD trong 30 ngày	-544,42%	6927,09%
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	19,75%	20,87%
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần)		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,02	0,11
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,02	0,11
6. Lợi nhuận (đồng)		
- Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	5.783.336.000.000	2.625.389.000.000
- Lợi nhuận sau thuế (LNST) trong năm tài chính	4.625.760.000.000	2.101.553.000.000
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2025	Kỳ báo cáo bán niên kết thúc ngày 30/06/2026
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	2,63%	1,02%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	24,84%	10,18%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
- Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (CAR)	13,29%	12,06%

Ghi chú:

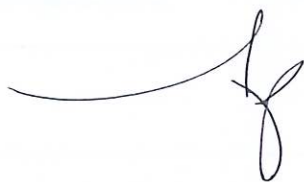
- Khoản vay bằng ngoại tệ được quy đổi sử dụng tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/06/2026.
- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN về tỷ lệ an toàn vốn áp dụng cho ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tối thiểu 8%).

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi PWC:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lưu Việt Hưng

Trung tâm Kinh doanh Giấy tờ có giá

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Quang